

Bản án số: **35 /2022/HNGĐ-ST**  
Ngày: 29-3-2022  
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hồ Thị Sương

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lữ Quốc Toàn  
2. Ông Hồ Văn Tài

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Ngô Thị Châu Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Diễm- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 481/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Thạch K, sinh năm: 1961

Nơi cư trú: ấp T 1, xã L, huyện X, tỉnh Đồng Nai

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim Tr, sinh năm: 1960

Nơi cư trú: ấp T 1, xã L, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

*(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Thạch K trình bày:* Ông và bà Nguyễn Thị Kim Tr tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1984, đến năm 2002, ông bà đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Lang Minh, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

Quá trình chung sống ông bà không có hạnh phúc mà thường xảy ra bất hòa, mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung; trong gia đình bà Tr là người nắm kinh tế, tự ý quyết định mọi việc, không tôn Tr ý kiến của ông và thường có suy nghĩ áp đặt lên ông, làm cho cuộc sống vợ chồng trở nên ngột ngạt, căng thẳng dẫn đến cãi vã, có lúc gây gổ, đánh nhau. Ông bà không còn chung sống với nhau từ tháng 8/2021 đến nay. Nhận thấy tình cảm dành cho bà Tr không còn nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Tr.

Về con chung: Ông bà có 04 con chung tên Thạch Thị Thanh Th, sinh năm 1985; Thạch Thị Ngọc P, sinh năm 1986; Thạch Thị Ngọc Tr, sinh năm 1992 và Thạch Anh T1, sinh năm 1999. Nay các con đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên ông không yêu cầu gì.

Về tài sản chung: ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: ông bà không có nợ chung.

- *Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Tr trình bày:* Bà thống nhất với lời trình bày của ông K về điều kiện kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Về nguyên nhân mâu thuẫn là do ông K có người phụ nữ khác, không chung thủy với bà, có lúc còn kiếm có gây gỗ, đánh đập bà. Ông K nhiều lần bỏ nhà đi mà không nói lý do với gia đình, thời gian gần nhất ông K bỏ đi là từ tháng 8/2021 đến giữa tháng 3/2022 ông K quay về. Vì con cái, bà nhẫn nhịn và bỏ qua cho ông, bà cũng đã nhiều lần nói chuyện với ông K để ông K sửa đổi nhưng ông K vẫn chứng nào tật nấy, không chịu sửa đổi. Hiện nay bà vẫn còn tình cảm với ông K, mong muốn đoàn tụ vợ chồng để con cái có cha, có mẹ nên bà không đồng ý ly hôn.

Về con chung hiện đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: ông bà không có nợ chung.

**Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông Thạch K được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim Tr; 04 con chung là Thạch Thị Thanh Th, sinh năm 1985; Thạch Thị Ngọc P, sinh năm 1986; Thạch Thị Ngọc Tr, sinh năm 1992 và Thạch Anh T1, sinh năm 1999 nay đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: không giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Thạch K, bà Nguyễn Thị Kim Tr tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1984, đến năm 2002 ông bà thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lang Minh, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp theo quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

[2] Theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

*“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn*

*nhân lâm vào tình trạng trầm Tr, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.*

Xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy: Ông K khai rằng quá trình chung sống ông bà không có hạnh phúc mà thường xảy ra bất hòa, mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung; trong gia đình bà Tr là người nắm kinh tế, tự ý quyết định mọi việc, không tôn Tr ý kiến của ông và thường có suy nghĩ áp đặt lên ông, làm cho cuộc sống vợ chồng trở nên ngột ngạt, căng thẳng dẫn đến cãi vã, có lúc gây gổ, đánh nhau. Bà Tr không đồng ý ly hôn, bà cho rằng bà vẫn còn tình cảm với ông K nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, bà Tr thừa nhận cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông K có người phụ nữ khác, không chung thủy với bà, có lúc ông K còn kiếm cớ gây gổ, đánh đập bà. Vì con cái, bà nhẫn nhịn và bỏ qua cho ông, bà cũng đã nhiều lần nói chuyện với ông K đề ông K sửa đổi nhưng ông K vẫn chứng nào tật nấy, không chịu sửa đổi. Bà Tr cũng không đưa ra được lý do thuyết phục để ông K đoàn tụ và tự nguyện chung sống với bà.

Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn Tr, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; có nghĩa vụ sống chung với nhau. Như vậy, ông K, bà Tr đã không thực hiện quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm Tr, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông K là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Ông K, bà Tr có 04 con chung tên Thạch Thị Thanh Th, sinh năm 1985; Thạch Thị Ngọc P, sinh năm 1986; Thạch Thị Ngọc Tr, sinh năm 1992 và Thạch Anh T1, sinh năm 1999. Nay các con đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, ông bà không yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Ông K, bà Tr không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Ông K, bà Tr trình bày không có nợ chung nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Xét thấy, ông Thạch K, sinh năm: 1961 thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án, lệ phí Tòa án (Theo điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009).

[7] Xét ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập, quy định pháp luật; **phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.**

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 56 và **Điều 131** Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

*Tuyên xử:* Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông Thạch K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Thạch K được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim Tr.

Quan hệ hôn nhân chấm dứt và giấy chứng nhận kết hôn số 037, quyền số 01/99 ngày 21/01/2002 do Ủy ban nhân dân xã Lang Minh, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai cấp không còn giá trị pháp lý, kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Chị Thạch Thị Thanh Th, sinh năm 1985; chị Thạch Thị Ngọc P, sinh năm 1986; chị Thạch Thị Ngọc Tr, sinh năm 1992 và anh Thạch Anh T1, sinh năm 1999 đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Thạch K. Hoàn trả cho ông K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0005848 ngày 26 tháng 10 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc.

6. Về quyền kháng cáo: Ông Thạch K, bà Nguyễn Thị Kim Tr được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- UBND **phường, xã, thị trấn**;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hồ Thị Sương**